

Số: 3695/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc xét chuyển học sinh dự bị của Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc
vào học đại học hệ chính quy năm học 2024 – 2025**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học, xét chuyển vào học trình độ đại học; trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non đối với học sinh dự bị đại học;

Căn cứ Công văn số 1517/ĐHTN-ĐT ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Đại học Thái Nguyên về việc chỉ tiêu và xét chuyển học sinh dự bị đại học vào học đại học hệ chính quy;

Căn cứ Công văn số 666/VCVB-TS ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc về việc xét chuyển học sinh dự bị đại học năm 2024;

Theo đề nghị của Trường ban Ban Đào tạo và Quản lý người học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét chuyển 47 học sinh Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc vào học đại học hệ chính quy tại các trường đại học thành viên, Đại học Thái Nguyên, năm học 2024 – 2025, cụ thể như sau:

1. Trường Đại học Sư phạm: 18 học sinh.
2. Trường Đại học Y – Dược: 22 học sinh.
3. Trường Đại học Khoa học: 04 học sinh
4. Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông: 01 học sinh
5. Trường Ngoại ngữ: 02 học sinh.

(có danh sách kèm theo quyết định này).

Điều 2. Các học sinh có tên ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế Đào tạo, Quy chế Công tác học sinh sinh viên, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và nhà trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo và Quản lý người học, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT&QLNH.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3695/QĐ-DHTN, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
1	Lý Ngọc Toàn	03/10/2005	Nam	Nùng	TT Nước Hai, Hòa An, Cao Bằng	B00	29,60	Tốt	Răng - Hàm - Mặt	7720501	22,50	
2	Trương Phong Minh	09/07/2005	Nam	Tày	Bình Yên, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,20	Tốt	Răng - Hàm - Mặt	7720101	22,50	
3	Lý Xuân Giới	02/11/2005	Nam	Cao Lan	Đức Ninh, Hàm Yên, Tuyên Quang	B00	29,60	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
4	Đào Việt Khánh	27/10/2005	Nam	Tày	Thị trấn Chợ Chu, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,60	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
5	Nguyễn Gia Khánh	20/11/2005	Nam	Tày	Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang	B00	29,60	Khá	Y khoa	7720101	22,50	
6	Nguyễn Thị Ngọc Mai	29/10/2005	Nữ	Tày	Yên Cư, Chợ Mới, Bắc Kạn	B00	29,60	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
7	Lèng Văn Thụy	18/06/2005	Nam	Tày	Tân Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,60	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
8	Lô Thị Minh Trang	05/05/2005	Nữ	Tày	Nam Tuấn, Hòa An, Cao Bằng	B00	29,60	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
9	Đặng Khánh Dương	01/01/2005	Nam	Nùng	Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, Cao Bằng	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
10	Trần Tiến Đạt	14/01/2005	Nam	Sán Diu	Nam Hòa, Đồng Hỷ, Thái Nguyên	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
11	Bùi Quang Minh	12/08/2005	Nam	Kinh	Phú Đình, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
12	Nguyễn Đình Quý	12/03/2005	Nam	Tày	Trung Lương, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,30	Khá	Y khoa	7720101	22,50	
13	Hứa Anh Thu	19/11/2005	Nữ	Tày	Bảo Linh, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	





STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
14	Đàm Thế Huy	04/10/2005	Nam	Tày	Hưng Đạo, TP Cao Bằng, Cao Bằng	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
15	Bùi Văn Đức	25/09/2005	Nam	Mường	Đông Lai, Tân Lạc, Hòa Bình	B00	29,30	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
16	Ma Thị Hậu	04/09/2005	Nữ	Tày	Phú Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	28,70	Khá	Y khoa	7720101	22,50	
17	Nông Minh Lương	19/02/2005	Nam	Tày	Định Biên, Định Hóa, Thái Nguyên	B00	28,70	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
18	Ma Thị Thu Huyền	07/10/2005	Nữ	Tày	Sáng Mộc, Võ Nhai, Thái Nguyên	B00	28,70	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
19	Trần Quang Huy	23/08/2005	Nam	Tày	Phú Xuyên, Đại Từ, Thái Nguyên	B00	28,50	Khá	Y khoa	7720101	22,50	
20	Lý Tô Trung Hiếu	15/09/2005	Nam	Tày	TT Bảo Lạc, Bảo Lạc, Cao Bằng	B00	27,50	Khá	Y khoa	7720101	22,50	
21	Đoàn Trung Kiên	03/10/2005	Nam	Tày	Năng Khả, Na Hang, Tuyên Quang	B00	27,50	Tốt	Y khoa	7720101	22,50	
22	Lương Thị Hoa	03/10/2005	Nữ	Tày	Phường Đề Thám, TP Cao Bằng, Cao Bằng	B00	27,20	Khá	Y khoa	7720101	22,50	

Ấn định danh sách có: 22 học sinh



DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3695/QĐ-DHTN, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thảo Vân	14/12/2005	Nữ	Tày	Phú Tiến, Định Hóa, Thái Nguyên	D01	25,10	Tốt	Ngôn ngữ Anh	7220201	16,00	
2	Nguyễn Quang Trường	26/02/2005	Nam	Tày	Sóc Hà, Hà Quảng, Cao Bằng	D01	24,30	Khá	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	19,00	

Ấn định danh sách có: 02 học sinh



**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3695/QĐ-ĐHTN, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
1	Phuong Đàm An Huy	14/11/2005	Nam	Nùng	Quang Hán, Trùng Khánh, Cao Bằng	A00	24,30	Tốt	Công nghệ thông tin	7480201	16,00	

Ấn định danh sách có: 01 học sinh

**DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2024 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 3695/QĐ-ĐHTN, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
1	Tềnh A Khanh	14/04/2005	Nam	Mông	Lóng Luông, Vân Hồ, Sơn La	C00	24,30	Tốt	Luật	7380101	15,00	
2	Sùng A Tủa	31/03/2005	Nam	Mông	Xà Hồ, Trạm Tấu, Yên Bái	C00	24,30	Tốt	Luật	7380101	15,00	
3	Phan Mỹ Diệu	23/10/2005	Nữ	Kinh	Văn Vũ, Na Rì, Bắc Kạn	A00	24,30	Tốt	Toán - Tin	7460117	16,00	
4	Ngô Đức Mạnh	28/03/2005	Nam	Tày	Yên Đổ, Phú Lương, Thái Nguyên	A00	24,30	Tốt	Toán - Tin	7460117	16,00	

Ấn định danh sách có: 04 học sinh



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

DANH SÁCH HỌC SINH DỰ BỊ ĐẠI HỌC TRƯỜNG PHỔ THÔNG VÙNG CAO VIỆT BẮC ĐƯỢC XÉT CHUYỂN VÀO HỌC ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN, NĂM HỌC 2024 - 2025

(Kèm theo Quyết định số: 3695/QĐ-ĐHTN, ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
1	Dương Thị Hà	22/03/2005	Nữ	Tày	Chiêu Vũ, Bắc Sơn, Lạng Sơn	M05	25,25	Tốt	Giáo dục Mầm non	7140201	19,00	
2	La Thị Thắm	14/08/2005	Nữ	Sán Chí	Tân Thịnh, Định Hóa, Thái Nguyên	M05	25,15	Tốt	Giáo dục Mầm non	7140201	19,00	
3	Vàng Thị Như Quỳnh	22/12/2005	Nữ	Lô Lô	Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang	M05	26,15	Tốt	Giáo dục Mầm non	7140201	19,01	
4	Trần Thị Phương Thanh	25/02/2005	Nữ	Sán Chí	Sơn Phú, Định Hóa, Thái Nguyên	M05	24,93	Tốt	Giáo dục Mầm non	7140201	19,00	
5	Dương Hoàng Duyên	18/01/2005	Nữ	Tày	Đồng Ý, Bắc Sơn, Lạng Sơn	D01	26,20	Tốt	Giáo dục Tiểu học	7140202	22,00	
6	Hạc Thị Hà	23/06/2005	Nữ	Tày	Điềm Mặc, Định Hóa, Thái Nguyên	D01	26,20	Tốt	Giáo dục Tiểu học	7140202	22,00	
7	Hoàng Thị Minh Thu	07/02/2005	Nữ	Tày	Phúc Lộc, Ba Bể, Bắc Kạn	D01	24,30	Tốt	Giáo dục Tiểu học	7140202	22,00	
8	Nguyễn Thị Phương Thảo	09/06/2005	Nữ	Sán Dìu	Hiệp Lực, Ngân Sơn, Bắc Kạn	D01	24,30	Tốt	Giáo dục Tiểu học	7140202	22,00	
9	Hà Phước Lộc	22/05/2005	Nam	Thái	Xăm Khõe, Mai Châu, Hòa Bình	D01	24,30	Khá	Giáo dục Tiểu học	7140202	22,00	
10	Hà Thái Sơn	05/03/2005	Nam	Thái	Bao La, Mai Châu, Hòa Bình	C00	25,10	Tốt	Sư phạm Địa lý	7140219	22,50	
11	Lù Thị Oanh	12/11/2004	Nữ	Nùng	Tụ Nhân, Hoàng Su Phì, Hà Giang	B00	26,60	Tốt	Sư phạm Hoá học	7140212	22,00	
12	Lý Thành Tâm	11/03/2005	Nam	Dao	Thị trấn Hùng Sơn, Đại Từ, Thái Nguyên	C00	26,40	Tốt	Sư phạm Lịch sử	7140218	23,00	
13	Lèo Hoàng Huệ Linh	20/11/2005	Nữ	Nùng	Yến Lạc, Na Rì, Bắc Kạn	D01	29,30	Tốt	Sư phạm Ngữ văn	7140217	23,00	

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú	Tổ hợp môn	Tổng điểm năm học dự bị theo tổ hợp môn xét tuyển	Xếp loại rèn luyện	Tên ngành	Mã ngành	Ngưỡng đầu vào năm 2024	Ghi chú
14	Mã Thị Quỳnh	17/01/2005	Nữ	Tày	Thị trấn Bằng Lũng, Chợ Đồn, Bắc Kạn	D01	28,70	Tốt	Sư phạm Ngữ văn	7140217	23,00	
15	Lê Mai Anh	12/01/2005	Nữ	Nùng	Thị trấn Đu, Phú Lương, Thái Nguyên	D01	29,20	Tốt	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	22,50	
16	Đinh Thị Minh Hạnh	06/07/2005	Nữ	Tày	Bằng Vân, Ngân Sơn, Bắc Kạn	D01	27,20	Tốt	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	22,50	
17	Nông Thị Lan Hương	02/09/2005	Nữ	Tày	Cao Thăng, Trùng Khánh, Cao Bằng	A00	29,60	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209	22,00	
18	Nguyễn Quang Hội	28/07/2005	Nam	Tày	Yên Trách, Phú Lương, Thái Nguyên	A00	27,50	Tốt	Sư phạm Toán học	7140209	22,00	

Ấn định danh sách có: 18 học sinh

